ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 28 /KH-UBND	*Lai Châu, ngày 09 tháng 01 năm 2017*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: 56
Ngày: 11/1/2017

KẾ HOẠCH
Triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2016 của tỉnh Lai Châu đảm bảo trung thực, khách quan, đúng quy định dựa trên các lĩnh vực, tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức điều tra xã hội học theo bộ câu hỏi điều tra xã hội học đối với từng nhóm đối tượng điều tra, khảo sát của Bộ Nội vụ quy định.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân và doanh nghiệp đối với cải cách hành chính nói chung và đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của tỉnh Lai Châu nói riêng.

- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì đánh giá kết quả CCHC tỉnh Lai Châu năm 2016 phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện nghiêm túc, kịp thời các nội dung của kế hoạch.

II. NỘI DUNG

1. Đánh giá kết quả CCHC nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2016 trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần, cụ thể:

a. Công tác chỉ đạo điều hành; cải cách bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (phụ lục 01) do Sở Nội vụ chủ trì.

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính (phụ lục 02) do Sở Tư pháp chủ trì.

c. Cải cách tài chính công (phụ lục 03) do Sở Tài chính chủ trì.

d. Ứng dụng công nghệ thông tin; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (phụ lục 04) do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì.

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

đ. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 (phụ lục 05) do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì.

e. Đánh giá tác động của cải cách hành chính đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (phụ lục 06) do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì.

- Thời gian hoàn thành: trước 15/01/2017 các cơ quan phải gửi bảng tổng hợp về Sở Nội vụ để tổng hợp trình UBND tỉnh.

*** Lưu ý:** Hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CHCC tỉnh Lai Châu năm 2016 được đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ: sonv.laichau.gov.vn.

2. Điều tra xã hội học

- Đối tượng điều tra xã hội học:

+ Thường trực HĐND tỉnh: 08 người.

+ Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: 03 người/sở x 19 sở = 57 người.

+ Lãnh đạo UBND cấp huyện: 03 người/huyện x 03 huyện = 09 người.

+ Người dân: 30 người x 03 đơn vị cấp xã x 03 đơn vị cấp huyện = 270 người.

+ Doanh nghiệp: 100 doanh nghiệp (lựa chọn đại diện doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp ngoài quốc doanh).

- Thời gian điều tra: Tháng 02/2017.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan liên quan; UBND thành phố Lai Châu, UBND các huyện Tân Uyên, Phong Thổ và các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ đánh giá và chấm điểm nội dung do đơn vị chủ trì; đôn đốc các cơ quan được giao nhiệm vụ đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC tỉnh Lai Châu năm 2016 theo từng lĩnh vực, tổng hợp kết quả trình UBND tỉnh để báo cáo Bộ Nội vụ và thực hiện điều tra xã hội học theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2016 của tỉnh theo lĩnh vực được phân công chủ trì.

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

3. UBND các huyện: Tân Uyên, Phong Thổ và thành phố Lai Châu lựa chọn 03 đơn vị cấp xã có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thuộc loại tốt, trung bình, kém và mỗi đơn vị cấp xã lựa chọn 30 người dân để điều tra xã hội học. Phối hợp với Sở Nội vụ trong quá trình điều tra xã hội học tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An

Produced with Scantopdf
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Produced with ScanToPDF

www.scantopdf.eu

www.scantopdf.eu

Phụ lục 01

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**	**8,5**		
1.1	***Kế hoạch CCHC năm***	**2**		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong quý IV của năm trước năm	0,5		
	Ban hành kịp thời: 0,5			
	Ban hành không kịp thời: 0			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0,5		
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0,5			
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: 0			
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành từ 70% -dưới 85% kế hoạch: 0,25			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
1.2	***Thực hiện công tác báo cáo CCHC***	***2***		
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	1		
	Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1			
	Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian báo cáo theo			

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	hướng dẫn: 0			
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1		
	Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1			
	Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0,5			
	Điểm tự chấm sai số trên 3% so với kết quả thẩm định: 0			
1.3	***Kiểm tra công tác CCHC***	***2***		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	1		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1			
	Từ 20%-dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0			
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	***1,5***		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành từ 80% -dưới 100% kế hoạch: 0,25			
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1		
	Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung			

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	CCHC thông qua kênh truyền thống: 0,5			
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5			
1.5	***Sáng kiến trong CCHC***	***1***		
	Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cchc của tỉnh trong năm: 1			
	Không có sáng kiến: 0			
2	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính**	**6,5**		
2.1	***Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy***	***1,5***		
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5			
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0			
2.2	***Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện***	***2***		
2.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra	1		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1			
	Từ 20%-dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0			
2.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% -dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
2.3	***Thực hiện phân cấp quản lý***	***3***		
2.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban	1		

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	hành			
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1			
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0			
2.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh gái định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	1		
	Có thực hiện: 1			
	Không thực hiện: 0			
2.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85%- dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% -dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
3	**Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**	**9,5**		
3.1	***Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm***	***2***		
3.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		
	100% số cơ quan, tổ chức: 1			
	Từ 80%-dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0,5			
	Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0,25			
	Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0			
3.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		

Produced With ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	Từ 100% số đơn vị: 1			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5			
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 60% số đơn vị: 0			
3.2	***Tuyển dụng công chức, viên chức***	***1***		
3.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	0,5		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.3	***Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh***	***1***		
3.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,5		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,5		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.4	***Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương***	***1***		
	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1			
	Dưới 100% số lãnh đạo cấp sở và tương			

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0			
3.5	***Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức***	***0,5***		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.6	***Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm***	***1***		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
3.7	***Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức***	***1,5***		
3.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	0,5		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
3.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
3.8	***Cán bộ, công chức cấp xã***	***1,5***		
3.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5		
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0,25			
	Dưới 80% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0			
3.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5		
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt			

Produced with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	chuẩn: 0,25			
	Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0			
3.8:3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	0,5		
	Từ 70% số cán bộ, công chức trở lên: 0,5			
	Từ 50% -dưới 70% số cán bộ, công chức: 0,25			
	Dưới 50% số cán bộ, công chức: 0			
4	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**6,5**		
4.1	***Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông***	***5,5***		
4.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	1		
	100% số TTHC: 1			
	Từ 80% - dưới 100% số TTHC: 0,5			
	Từ 70% - dưới 80% số TTHC: 0,25			
	Duối 70% số TTHC: 0			
4.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1,5		
	100% số đơn vị: 1,5			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1			
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 60% số đơn vị: 0			
4.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1,5		
	100% số đơn vị: 1,5			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 1			
	Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 60% số đơn vị: 0			
4.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1,5		
	Từ 50 TTHC trở lên: 1,5			
	Từ 30 – 49 TTHC: 1			

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	Từ 20-29 TTHC: 0,5			
	Dưới 20 TTHC: 0			
4.2	***Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại***	***1***		
	100% số đơn vị: 1			
	Từ 50 – dưới 100% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 50% số đơn vị: 0			
	Tổng: 1+2+3+4	**31**		

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Phụ lục 02

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại tỉnh**	7,5		
1.1	***Xây dựng văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh***	2		
1.1.1	Xây dựng văn bản QPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1,5		
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1,5			
	Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1			
	Từ 80% - dưới 90% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5			
	Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0			
1.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VB QPPL	0,5		
	100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0,5			
	Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0			
1.2	**Theo dõi thi hành pháp luật**	**2,5**		
1.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 85%-dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành từ 70%-dưới 85% kế hoạch: 0,25			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
1.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0,5		

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0			
1.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
1.3	***Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL***	***1,5***		
1.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0,5			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định: 0			
1.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1		
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
1.4	***Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL***	***1,5***		
1.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	0,5		
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian quy định: 0,5			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0			
1.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Từ 70% - dưới 85% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25			
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
2	**Cải cách thủ tục hành chính**	**10,5**		
2.1	***Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính***	*2*		
2.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
2.1.2.	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1		
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
2.2	***Công bố, cập nhật thủ tục hành chính***	*2*		
2.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1		
	Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1			
	Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0			
2.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia	1		
	Kịp thời: 1			
	Không kịp thời: 0			
2.3	***Công khai thủ tục hành chính***	*3*		
2.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		

Protected with free ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	100% số cơ quan, đơn vị: 1			
	Từ 85% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Từ 70% - dưới 85% số cơ quan, đơn vị: 0,25			
	Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0			
2.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1		
	100% số cơ quan, đơn vị: 1			
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0			
2.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	1		
	100% số TTHC: 1			
	Dưới 100% số TTHC: 0			
2.4	***Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh***	***2***		
2.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1		
	Thực hiện đúng quy định: 1			
	Không thực hiện đúng quy định: 0			
2.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1		
	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1			
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5			
	Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0			
2.5	**Kết quả giải quyết TTHC**	***1,5***		
2.5.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5		
	100% số cơ quan: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan: 0,25			

Protected with free scanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

	Dưới 80% số cơ quan: 0			
2.5.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5		
	100% số đơn vị: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 80% số đơn vị: 0			
2.5.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	0,5		
	100% số đơn vị: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 80% số đơn vị: 0			
	Tổng 1+2	**18**		

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Phụ lục 03

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Cải cách tài chính công**	**4**		
1.1	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính***	***1***		
	Đúng quy định: 1			
	Không đúng quy định: 0			
1.2	***Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh***	***3***		
1.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thwjchienej cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1		
	100% số đơn vị: 1			
	Dưới 100% số đơn vị: 0			
1.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	1		
	Số đơn vị tăng so với năm trước: 1			
	Số đơn vị không tăng so với năm trước: 0			
1.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	0,5		
	100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,25			
	Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0			
1.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	0,5		
	100% số đơn vị: 0,5			
	Dưới 100% số đơn vị: 0			
	Tổng 1.1+1.2	**4**		

Preview with ScantoPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Phụ lục 04

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 /KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Ứng dụng công nghệ thông tin**	**4**		
1.1	***Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh***	***1***		
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1			
	Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5			
	Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,25			
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0			
1.2	***Xây dựng và triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh***	***1***		
	Đã ban hành và duy trì, cập nhật theo quy định: 1			
	Đã ban hành nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định: 0,5			
	Chưa ban hành Kiến trúc: 0			
1.3	***Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử***	***1***		
	Từ 80% số văn bản trở lên: 1			
	Từ 60% - dưới 80% số văn bản: 0,5			
	Từ 50% - dưới 60% số văn bản: 0,25			
	Dưới 50% số văn bản: 0			
1.4	***Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)***	***1***		
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1			
	Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 0,5			
	Chưa thực hiện kết nối liên thông: 0			

Protected with ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

2	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến**	**3,5**		
2.1	***Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3***	***1,5***		
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5			
	Từ 30% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 1			
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0,5			
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0			
2.2	***Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý ở mức độ 4***	***1,5***		
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1,5			
	Từ 20% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 1			
	Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0,5			
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0			
2.3	***Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích***	**0,5**		
	Đúng quy định: 0,5			
	Không đúng quy định: 0			
	Tổng: 1+2	**7,5**		

Produced with ScanToPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Phụ lục 05

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**	**1,5**		
1.1	***Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008***	***0,5***		
	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25			
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0			
1.2	***Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008***	**0,5**		
	Từ 70% số đơn vị trở lên: 0,5			
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,25			
	Dưới 50% số đơn vị: 0			
1.3	***Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định***	**0,5**		
	100% số cơ quan, đơn vị: 0,5			
	Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,25			
	Dưới 80% số cơ quan, đơn vị: 0			
	Tổng	**1,5**		

Produced by ScanTOPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu

Phụ lục 06

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 28 KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	**Đánh giá tác động của CCHC đến sự phát triển KT-XH của tỉnh**	3		
1.1	***Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh***	*1,5*		
	Cao hơn so với năm trước liền kề: 1,5			
	Bằng so với năm trước liền kề: 1			
	Thấp hơn so với năm trước liền kề: 0			
1.2	***Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm***	*1,5*		
	Tăng từ 30% trở lên so với năm trước liền kề: 1,5			
	Tăng từ 10% - dưới 30% so với năm trước liền kề: 1			
	Tăng dưới 10% so với năm trước liền kề: 0			
	Tổng	3		

Produced with ScanTopPDF
www.scantopdf.eu
www.scantopdf.eu